

TỪ BÀI 1 ĐẾN BÀI 13 – P1

- Câu 1.** Hội nghị Ianta (2-1945) diễn ra trong hoàn cảnh Chiến tranh thế giới thứ hai
- A. bước vào giai đoạn kết thúc.
 - B. bùng nổ và ngày càng lan rộng.
 - C. đang diễn ra ác liệt.
 - D. vừa mới kết thúc.
- Câu 2.** Vấn đề cấp bách đặt ra cho các cường quốc Đồng minh tại Hội nghị Ianta là
- A. nhanh chóng đánh bại hoàn toàn các nước phát xít.
 - B. tổ chức lại thế giới sau chiến tranh.
 - C. phân chia thành quả giữa các nước thắng trận.
 - D. thành lập tổ chức Liên hợp quốc.
- Câu 3.** Nội dung nào sau đây không phải là quyết định quan trọng của Hội nghị Ianta?
- A. Nhanh chóng tiêu diệt chủ nghĩa phát xít, kết thúc chiến tranh.
 - B. Thành lập tổ chức Liên hợp quốc.
 - C. Thành lập khối Đồng minh chống phát xít.
 - D. Phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu và châu Á.
- Câu 4.** Quyết định về việc thành lập tổ chức Liên hợp quốc được đưa ra bởi Hội nghị
- A. Têhêran.
 - B. Ianta.
 - C. Pari.
 - D. Giơnevơ.
- Câu 5.** Nguyên tắc hoạt động cao nhất của Hội Đồng Bảo An (Liên hợp quốc) là
- A. giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình.
 - B. tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của tất cả các nước.
 - C. không can thiệp vào công việc nội bộ của bất kì nước nào.
 - D. chung sống hòa bình và có sự nhất trí cao giữa 5 nước lớn (Liên Xô (Nga), Mỹ, Anh, Pháp và Trung Quốc).
- Câu 6.** Một trong những mục đích của tổ chức Liên hợp quốc là
- A. duy trì hòa bình và an ninh thế giới.
 - B. tôn trọng bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia.
 - C. tôn trọng quyền tự quyết của các dân tộc.
 - D. tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của tất cả các nước.
- Câu 7.** Nội dung nào sau đây không phải là nguyên tắc hoạt động của tổ chức Liên hợp quốc?
- A. Bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia và quyền tự quyết của các dân tộc.
 - B. Không can thiệp vào công việc nội bộ của bất kì nước nào.
 - C. Giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.
 - D. Chia sẻ trách nhiệm giữa tất cả các nước.
- Câu 8.** Cơ quan đóng vai trò quan trọng nhất của tổ chức Liên hợp quốc là
- A. Đại Hội đồng.
 - B. Hội đồng Bảo an.
 - C. Ban Thư kí.
 - D. Tòa án Quốc tế.
- Câu 9.** Về nguyên tắc, mọi quyết định của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc phải được sự nhất trí của năm nước ủy viên thường trực là
- A. Liên Xô (nay là Liên bang Nga), Mỹ, Anh, Pháp và Trung Quốc.
 - B. Liên Xô (nay là Liên bang Nga), Mỹ, Anh, Pháp và Nhật Bản.
 - C. Liên Xô (nay là Liên bang Nga), Mỹ, Anh, Pháp và Italia.
 - D. Liên Xô (nay là Liên bang Nga), Mỹ, Anh, Pháp và Ấn Độ.
- Câu 10.** Quỹ Dân số Liên hợp quốc được viết tắt bằng tiếng Anh là
- A. UNICEF.

- B. UNDP.
- C. UNFPA.
- D. IMF.

Câu 11. Về khoa học - kĩ thuật, năm 1957 Liên Xô là nước đầu tiên

- A. phóng thành công vệ tinh nhân tạo.
- B. chế tạo thành công bom nguyên tử.
- C. phóng con tàu vũ trụ đưa nhà du hành vũ trụ I.Gagarin bay vòng quanh Trái Đất.
- D. phát triển công nghiệp điện hạt nhân.

Câu 12. Trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô sau Chiến tranh thế giới thứ hai, thành tựu có ý nghĩa quan trọng nhất là

- A. trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ hai thế giới (sau Mĩ).
- B. chế tạo thành công bom nguyên tử.
- C. phóng thành công vệ tinh nhân tạo.
- D. nước đầu tiên đưa con người bay vào vũ trụ.

Câu 13. Sự kiện lịch sử mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người là

- A. Liên Xô phóng thành công vệ tinh nhân tạo của Trái Đất.
- B. Liên Xô phóng con tàu vũ trụ “Phương Đông” đưa nhà du hành vũ trụ I.Gagarin bay vòng quanh Trái Đất.
- C. Mĩ phóng phi thuyền đưa nhà du hành vũ trụ Neil Amstrong đặt chân lên Mặt Trăng.
- D. Trung Quốc phóng con tàu vũ trụ “Thần Châu 5” đưa nhà du hành vũ trụ Dương Lợi Vĩ bay vào không gian.

Câu 14. Nội dung cơ bản trong chính sách đối ngoại của Liên Xô từ năm 1945 đến những năm 70 là

- A. muốn làm bạn với tất cả các nước.
- B. bảo vệ hòa bình, ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc và giúp đỡ các nước xã hội chủ nghĩa.
- C. đối đầu với các nước phương Tây.
- D. hòa bình, trung lập tích cực.

Câu 15. Chính sách đối ngoại của Liên bang Nga từ năm 1991 đến năm 2000 là ngả về phương Tây, khôi phục và phát triển mối quan hệ với các nước

- A. châu Á.
- B. châu Âu.
- C. châu Phi.
- D. châu Mĩ.

Câu 16. Người khởi xướng công cuộc cải cách - mở cửa ở Trung Quốc là

- A. Mao Trạch Đông.
- B. Triệu Tử Dương.
- C. Đặng Tiểu Bình.
- D. Tập Cận Bình.

Câu 17. Đường lối chung của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong thời kỳ cải cách - mở cửa là lấy

- A. phát triển kinh tế làm trung tâm.
- B. phát triển quân sự làm trung tâm.
- C. phát triển văn hóa làm trung tâm.
- D. phát triển chính trị làm trung tâm.

Câu 18. Mục tiêu chủ yếu của công cuộc cải cách - mở cửa ở Trung Quốc là

- A. làm cho Trung Quốc trở thành nước có nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
- B. biến Trung Quốc thành quốc gia có tốc độ tăng trưởng cao nhất thế giới.
- C. nhanh chóng xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.
- D. biến Trung Quốc thành quốc gia giàu mạnh, dân chủ, văn minh.

- Câu 19.** Sự kiện lịch sử nào đưa Trung Quốc trở thành quốc gia thứ ba trên thế giới (sau Nga, Mỹ) có tàu cùng với con người bay vào vũ trụ?
- A. Chương trình thám hiểm không gian được thực hiện từ năm 1992.
 - B. Từ năm 1999 đến năm 2003, Trung Quốc đã phóng 4 con tàu vũ trụ “Thần Châu” với chế độ tự động.
 - C. Năm 2003, con tàu “Thần Châu 5” cùng nhà du hành vũ trụ Dương Lợi Vĩ đã bay vào không gian vũ trụ.
 - D. Đến năm 2025, Trung Quốc sẽ đưa con người lên Mặt Trăng.
- Câu 20.** Hiện nay, vùng lãnh thổ nào có tên dưới đây, vẫn nằm ngoài sự kiểm soát của Trung Quốc
- A. Ma Cao.
 - B. Thượng Hải.
 - C. Đài Loan.
 - D. Hồng Kông.
- Câu 21.** Những quốc gia ở Đông Nam Á giành độc lập trong năm 1945 là
- A. Miến Điện, Malaixia, Indônêxia.
 - B. Việt Nam, Lào, Campuchia.
 - C. Indônêxia, Việt Nam, Lào.
 - D. Việt Nam, Indônêxia, Philippin.
- Câu 22.** Chủ trương cải cách, mở cửa ở Trung Quốc được bắt đầu bởi
- A. Đại hội Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc (tháng 12 - 1978).
 - B. Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ XII (tháng 9 - 1982).
 - C. Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ XIII (tháng 10 - 1987).
 - D. Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ XIV (tháng 10 - 1992).
- Câu 23.** Biến đổi quan trọng nhất ở khu vực Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai là
- A. tất cả các nước Đông Nam Á đều gia nhập ASEAN.
 - B. các nước Đông Nam Á đã giành được độc lập.
 - C. kinh tế các nước Đông Nam Á phát triển mạnh.
 - D. ASEAN đóng vai trò trung tâm trong quan hệ quốc tế.
- Câu 24.** Nước Lào bước sang một thời kỳ mới, được đánh dấu bởi
- A. các phái ở Lào đã ký Hiệp định Viêng Chăn đầu năm 1973.
 - B. Sự thành lập nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (12-1975).
 - C. cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Lào thắng lợi hoàn toàn.
 - D. Mỹ rút ra khỏi cuộc chiến tranh ở Lào.
- Câu 25.** Từ năm 1954 đến đầu năm 1970, chính phủ Xi-hanúc thực hiện đường lối
- A. hòa bình, trung lập.
 - B. liên kết chặt chẽ với các nước Đông Nam Á.
 - C. liên minh chặt chẽ với Mỹ.
 - D. mở rộng quan hệ ngoại giao với các nước phương Tây.
- Câu 26.** Tháng 9 năm 1993, Quốc hội mới ở Campuchia thông qua Hiến pháp, tuyên bố thành lập
- A. nước Cộng hòa Nhân dân Campuchia.
 - B. nước Campuchia Dân chủ Cộng hòa.
 - C. nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Campuchia.
 - D. Vương quốc Campuchia.
- Câu 27.** Mục tiêu của ASEAN là
- A. tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ giữa các quốc gia.
 - B. tăng cường an ninh khu vực, đẩy nhanh xu thế toàn cầu hóa.
 - C. củng cố các liên minh quân sự, chống sự trỗi dậy của Trung Quốc.
 - D. tăng cường hợp tác về mọi mặt, duy trì hòa bình và an ninh khu vực.
- Câu 28.** Trong thời kì đầu, chiến lược kinh tế của năm nước sáng lập ASEAN là
- A. công nghiệp hoá lấy xuất khẩu làm chủ đạo.

B. công nghiệp hoá thay thế nhập khẩu.

C. vừa kết hợp kinh tế hướng nội với kinh tế hướng ngoại.

D. kết hợp kinh tế hướng nội với kinh tế hướng ngoại, trong đó ưu tiên kinh tế hướng ngoại.

Câu 29. Những nước tham gia sáng lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á là:

A. Việt Nam, Lào, Campuchia, Indônêxia, Philippin.

B. Xingapo, Philippin, Thái Lan, Malaixia, Lào.

C. Thái Lan, Campuchia, Lào, Mianma, Xingapo.

D. Indônêxia, Malaixia, Xingapo, Thái Lan, Philippin.

Câu 30. Quốc gia trở thành nước công nghiệp mới ở Đông Nam Á là

A. Thái lan.

B. Indônêxia.

C. Malaixia.

D. Xingapo.

Câu 31. Hiệp ước Bali đánh dấu sự khởi sắc của ASEAN vì đã xác định được

A. nhiệm vụ cơ bản của các nước ASEAN.

B. mục tiêu hoạt động của tổ chức ASEAN.

C. những nguyên tắc cơ bản trong quan hệ giữa các nước ASEAN.

D. vai trò của tổ chức ASEAN.

Câu 32. Nội dung nào sau đây không phải là nguyên tắc hoạt động của ASEAN?

A. Nguyên tắc nhất trí giữa năm nước thành viên sáng lập ASEAN.

B. Tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

C. Không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

D. Giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.

Câu 33. Tính đến nay (năm 2016) ASEAN gồm bao nhiêu nước thành viên?

A. 5 nước.

B. 6 nước.

C. 8 nước.

D. 10 nước.

Câu 34. Cơ hội lớn nhất đối với Việt Nam khi gia nhập ASEAN là

A. mở rộng quan hệ hợp tác với các nước.

B. từ đối đầu chuyển sang đối thoại và hợp tác.

C. tiếp nhận được nhiều nguồn vốn và đầu tư của các nước.

D. có điều kiện để bình thường hóa quan hệ với Mỹ.

Câu 35. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, cuộc đấu tranh chống thực dân Anh, của nhân dân Ấn Độ dưới sự lãnh đạo của

A. Đảng Dân chủ.

B. Đảng Cộng hòa.

C. Đảng Quốc đại.

D. Đảng Cộng sản.

Câu 36. Theo phương án Maobátton (1947) Ấn Độ bị chia thành hai quốc gia tự trị dựa trên cơ sở

A. dân tộc.

B. văn hóa.

C. ngôn ngữ.

D. tôn giáo.

Câu 37. Ngày 15 - 8 -1947, Ấn Độ bị chia thành hai nhà nước tự trị là

A. Ấn Độ và Bắgladét

B. Ấn Độ và Pakixtan.

C. Ấn Độ và Nêpan.

D. Ấn Độ và Butan.

Câu 38. Nội dung của “phương án Maobaton” là

A. chia Ấn Độ thành 3 nước: Ấn Độ, Pakistan và Bangladesh.

B. chia Ấn Độ thành 2 nước: Ấn Độ và Pakistan.

C. chia Ben-gan thành hai miền Đông Ben-gan và Tây Bengan.

D. tăng cường chính sách “trực trị”, đưa Nữ hoàng Anh Victoria lên ngôi Nữ hoàng Ấn Độ.

Câu 39. Ấn Độ trở thành một trong những cường quốc sản xuất phần mềm lớn nhất thế giới nhờ đã tiến hành cuộc

A. “cách mạng khoa học - kỹ thuật”.

B. “cách mạng xanh”.

C. “cách mạng chất xám”.

D. “cách mạng trắng”.

Câu 40. Về đối ngoại, Ấn Độ theo đuổi chính sách

A. hòa bình, trung lập tích cực, ủng hộ cuộc đấu tranh giành độc lập của các dân tộc.

B. tăng cường quan hệ với Liên Xô, Trung Quốc.

C. thân các nước phương Tây.

D. liên minh chặt chẽ với Mỹ.

Câu 41. Lịch sử thế giới ghi nhận năm 1960 là “năm châu Phi” vì trong thời gian này

A. có 17 nước châu Phi giành độc lập.

B. chủ nghĩa thực dân cũ ở châu Phi bị sụp đổ.

C. chế độ phân biệt chủng tộc (Apácthai) ở Nam Phi bị xóa bỏ.

D. hệ thống thuộc địa ở châu Phi cơ bản bị tan rã.

Câu 42. Năm 1975, hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ ở châu Phi sụp đổ, gắn với thắng lợi của nhân dân

A. Môđambích và Ănggôla.

B. Ăngiêri và Maroc.

C. Gana và Tuynidi.

D. Nam Phi và Ai Cập.

Câu 43. Tổng thống người da đen đầu tiên của Cộng hòa Nam Phi là

A. Nenxon Mandêla

B. M.Bêki.

C. Nátxe.

D. Đoclec.

Câu 44. Tháng 11 năm 1993, lịch sử Nam Phi đã ghi nhận sự kiện quan trọng nào dưới đây?

A. Nenxon Mandêla trở thành Tổng thống người da đen đầu tiên của Cộng hòa Nam Phi.

B. Chế độ phân biệt chủng tộc Apácthai chính thức bị xóa bỏ.

C. 17 nước châu Phi được trao trả độc lập.

D. Chủ nghĩa thực dân cũ ở châu Phi bị sụp đổ.

Câu 45. Người lãnh đạo nhân dân Cuba, đấu tranh lật đổ chế độ độc tài Batixta là

A. Che Guevara.

B. Raun Cátxtorô

C. Phiđen Cátxtorô.

D. Hôxê Mácti.

Câu 46. Biểu hiện nào chứng tỏ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nền kinh tế Mỹ phát triển mạnh mẽ?

A. Mỹ trở thành trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới.

B. Mỹ trở thành trung tâm thương mại lớn nhất thế giới.

C. Mỹ, Nhật Bản, Tây Âu trở thành ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới.

D. Mỹ trở thành thị trường kinh tế năng động nhất thế giới.

Câu 47. Nước khởi đầu cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật hiện đại là

A. Nhật Bản.

- B. Mĩ.
- C. Đức.
- D. Liên Xô.

Câu 48. Nội dung nào sau đây không nằm trong chiến lược toàn cầu của Mĩ ?

- A. Ngăn chặn và tiến tới xóa bỏ chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới.
- B. Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, phong trào công nhân và cộng sản quốc tế.
- C. Khống chế chi phối các nước tư bản đồng minh phụ thuộc vào Mĩ.
- D. Liên minh chặt chẽ với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 49. Trong thập kỷ 90 của thế kỷ XX, chính quyền B.Clinton đưa ra chiến lược

- A. “Ngăn đe thực tế”.
- B. “Trả đũa ồ ạt”.
- C. “Phản ứng linh hoạt”.
- D. “Cam kết và mở rộng”.

Câu 50. Mĩ là nước đầu tiên

- A. phóng thành công vệ tinh nhân tạo của Trái Đất.
- B. phóng tàu vũ trụ đưa con người bay vòng quanh Trái Đất.
- C. đưa người lên Mặt Trăng.
- D. phóng tàu vũ trụ đưa con người lên Sao Hỏa.

Câu 51. Nội dung nào sau đây không nằm trong chiến lược “Cam kết và mở rộng” của Tổng thống Mĩ B.Clinton?

- A. Bảo đảm an ninh của Mĩ với lực lượng quân sự mạnh, sẵn sàng chiến đấu.
- B. Tăng cường khôi phục, phát triển tính năng động và sức mạnh của nền kinh tế Mĩ.
- C. Sử dụng khẩu hiệu “Thúc đẩy dân chủ” để can thiệp vào nội bộ của nước khác.
- D. Xây dựng trật tự thế giới theo hướng đa cực, nhiều trung tâm.

Câu 52. Nền tảng trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay là

- A. luôn liên minh chặt chẽ với Mĩ.
- B. thực hiện chiến lược toàn cầu.
- C. tăng cường quan hệ với các nước Đông Nam Á và ASEAN.
- D. coi trọng quan hệ với Tây Âu.

Câu 53. Giai đoạn phát triển “thần kỳ” của nền kinh tế Nhật Bản là

- A. từ năm 1945 đến năm 1952.
- B. từ năm 1952 đến năm 1960.
- C. từ năm 1960 đến năm 1973.
- D. từ năm 1973 đến năm 1991.

Câu 54. Nhân tố quyết định hàng đầu cho sự phát triển của kinh tế Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. biết thâm nhập thị trường thế giới.
- B. tác dụng của những cải cách dân chủ.
- C. áp dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật.
- D. con người được coi là vốn quý nhất.

Câu 55. Cho các sự kiện sau:

1. “Cộng đồng châu Âu” (EC).
 2. “Liên minh châu Âu” (EU).
 3. “Cộng đồng than - thép châu Âu”.
 4. “Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu” và “Cộng đồng kinh tế châu Âu”.
- Hãy sắp xếp các tổ chức trên theo trình tự đúng với quá trình thành lập Liên minh châu Âu.

- A. 1, 2, 3, 4.
- B. 4, 3, 2, 1.

C. 3, 4, 1, 2.

D. 1, 3, 2, 4.

Câu 56. Sự kiện khởi đầu cho Chiến tranh lạnh là

A. sự ra đời của kế hoạch Mácsan (1947).

B. thông điệp của Tổng thống Mĩ “Truman” tại Quốc hội Mĩ (1947).

C. việc thành lập tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (1949) .

D. sự ra đời của Hội đồng Tương trợ kinh tế (1949).

Câu 57. Hai nhà lãnh đạo Goochbachốp và G.Busơ đã chính thức cùng tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh vào

A. tháng 01 năm 1973.

B. tháng 7 năm 1985.

C. tháng 12 năm 1989.

D. tháng 8 năm 1991.

Câu 58. Đến cuối thập kỷ 90 của thế kỷ XX, tổ chức nào đã trở thành tổ chức liên kết chính trị - kinh tế lớn nhất hành tinh ?

A. Liên Hiệp Quốc.

B. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.

C. Khối Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương.

D. Liên minh Châu Âu.

Câu 59. Xu thế toàn cầu hoá trên thế giới là hệ quả của

A. sự phát triển quan hệ thương mại quốc tế.

B. cuộc cách mạng khoa học - công nghệ.

C. sự ra đời của các công ty xuyên quốc gia.

D. quá trình thống nhất thị trường thế giới.

Câu 60. Đặc điểm lớn nhất của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. kĩ thuật trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

B. khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

C. sự bùng nổ của các lĩnh vực khoa học - công nghệ.

D. mọi phát minh kĩ thuật đều bắt nguồn từ sản xuất.

Câu 61. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, thực dân Pháp đã thực hiện ở Việt Nam chương trình

A. khai thác thuộc địa lần thứ nhất.

B. khai thác thuộc địa lần thứ hai.

C. khai thác thuộc địa lần thứ ba.

D. khai thác thuộc địa lần thứ tư.

Câu 62. Trong chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Việt Nam, số vốn đầu tư nhiều nhất của thực dân Pháp là vào lĩnh vực

A. công nghiệp.

B. nông nghiệp.

C. thương nghiệp.

D. công nghiệp nặng.

Câu 63. Giai cấp mới ra đời gắn với chương trình khai thác lần thứ hai của Pháp ở Việt Nam là

A. giai cấp công nhân.

B. giai cấp tiểu tư sản.

C. giai cấp tư sản.

D. giai cấp nông dân.

Câu 64. Mục đích chính trong chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp ở Việt Nam là

A. thúc đẩy sự phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa ở thuộc địa Pháp.

B. bù đắp những thiệt hại do chiến tranh.

- C. khai hóa văn minh cho thuộc địa Pháp.
- D. giúp tư bản ở Việt Nam củng cố thế lực kinh tế.

Câu 65. Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp được thực hiện ở Đông Dương trong khoảng thời gian

- A. từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến trước cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929-1933).
- B. từ trước Chiến tranh thế giới thứ nhất đến trước Chiến tranh thế giới thứ hai.
- C. từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến trước Chiến tranh thế giới thứ hai.
- D. từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến trước cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới.

Câu 66. Lực lượng cách mạng to lớn của dân tộc Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất là

- A. địa chủ.
- B. tiểu tư sản.
- C. công nhân.
- D. nông dân.

Câu 67. Mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất là

- A. mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân và tay sai phản động.
- B. mâu thuẫn giữa công nhân với tư sản.
- C. mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ phong kiến.
- D. mâu thuẫn giữa tư sản dân tộc với tư sản mại bản.

Câu 68. Sự kiện lịch sử nào được Nguyễn Ái Quốc đánh giá “như chim én nhỏ báo hiệu mùa xuân”?

- A. Khởi nghĩa Yên Bái do Nguyễn Thái Học lãnh đạo.
- B. Phạm Hồng Thái mưu sát Toàn quyền Đông Dương Mec-lanh.
- C. Tổ chức Tâm tâm xã được thành lập ở Quảng Châu.
- D. Phan Châu Trinh viết “Thất điều thư” vạch ra 7 tội đáng chém của Khải Định.

Câu 69. Tác động tiêu cực nhất của chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai đến nền kinh tế Việt Nam là

- A. nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu vẫn được duy trì.
- B. cơ cấu kinh tế Việt Nam vẫn mất cân đối.
- C. kinh tế Việt Nam vẫn lạc hậu và bị cột chặt vào kinh tế Pháp.
- D. kinh tế Việt Nam phát triển yếu ớt.

Câu 70. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, ở Việt Nam, giai cấp có ý thức dân tộc, nhạy bén và tha thiết canh tân đất nước là

- A. địa chủ.
- B. tư sản.
- C. tiểu tư sản.
- D. công nhân.

Câu 71. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, giai cấp nào ở Việt Nam sớm vươn lên để trở thành giai cấp lãnh đạo cách mạng ?

- A. Nông dân.
- B. Công nhân.
- C. Tiểu tư sản.
- D. Tư sản.

Câu 72. Khởi xướng phong trào “chấn hưng nội hoá”, “bài trừ ngoại hoá” sau Chiến tranh thế giới thứ nhất ở Việt Nam là

- A. giai cấp tiểu tư sản.
- B. giai cấp tư sản.
- C. Công nhân.
- D. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

- Câu 73.** Ở Việt Nam, sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, tư sản và địa chủ lớn Nam Kỳ đã thành lập
- Việt Nam Nghĩa đoàn
 - Hội Phục Việt.
 - Việt Nam Quốc dân đảng.
 - Đảng Lập hiến.
- Câu 74.** “Việt Nam Nghĩa đoàn”, “Hội Phục Việt”, “Đảng Thanh niên” là những tổ chức của
- tiểu tư sản trí thức.
 - tư sản dân tộc.
 - công nhân.
 - nông dân.
- Câu 75.** Những tờ báo tiếng Pháp của tiểu tư sản trí thức ra đời trong phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam (1919 - 1925) là
- Người cùng khổ, Nhân Đạo.
 - Búa liềm, Tiếng Dân, Nhân dân.
 - Chuông rè, An Nam trẻ, Người nhà quê.
 - Thanh niên, Tuổi trẻ.
- Câu 76.** Cuộc đấu tranh đánh dấu bước tiến mới của phong trào công nhân Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất là
- cuộc bãi công của công nhân Ba Son.
 - đấu tranh của công nhân đồn điền cao su Phú Riềng.
 - cuộc bãi công của công nhân nhà máy dệt Nam Định.
 - đấu tranh của các Sở Công thương tư nhân ở Bắc Kỳ.
- Câu 77.** Năm 1919, thay mặt những người Việt Nam yêu nước tại Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã
- gửi Bản yêu sách của nhân dân An Nam đến Hội nghị Véc-xai.
 - tán thành Quốc tế Cộng sản.
 - thành lập Đảng Cộng sản Pháp.
 - đọc tham luận tại Hội nghị Quốc tế Nông dân.
- Câu 78.** “Muốn được giải phóng, các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào lực lượng của bản thân mình”. Nhận định trên của Nguyễn Ái Quốc liên quan đến sự kiện lịch sử nào dưới đây?
- Nguyễn Ái Quốc gia nhập Đảng xã hội Pháp.
 - Nguyễn Ái Quốc tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.
 - Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Liên hiệp thuộc địa.
 - Nguyễn Ái Quốc gửi Bản yêu sách của nhân dân An Nam đến Hội nghị Vécxai.
- Câu 79.** “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác là con đường cách mạng vô sản”, đây là kết luận của Nguyễn Ái Quốc sau khi
- Người gia nhập Đảng Xã hội Pháp.
 - Người đọc bản Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lê-nin.
 - Người bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc tế Cộng sản.
 - Người đọc tham luận tại Hội nghị Quốc tế Nông dân.
- Câu 80.** Hoạt động nào dưới đây không do tiểu tư sản trí thức tiến hành?
- Thành lập Đảng Lập hiến.
 - Thành lập Việt Nam nghĩa đoàn, hội Phục Việt, Đảng Thanh niên.
 - Ra một số tờ báo tiến bộ bằng tiếng Việt và tiếng Pháp.
 - Đòi ân xá Phan Bội Châu; truy điệu, đề tang Phan Chu Trinh
- Câu 81.** Nội dung chính “Bản yêu sách của nhân dân An Nam”, được Nguyễn Ái Quốc gửi đến Hội nghị Véc-xai là đòi Chính phủ Pháp
- trao trả độc lập cho Việt Nam.
 - khai hóa văn minh cho người Việt Nam.

C. đòi quyền tự quyết cho nhân dân Việt Nam.

D. đòi tự do ngôn luận, tự do báo chí.

Câu 82. Năm 1921, cùng với một số nhà yêu nước Angiêri, Tuynidi, Maroc, Nguyễn Ái Quốc đã tham gia sáng lập

A. Hội Liên hiệp thuộc địa.

B. Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên.

C. Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức Á Đông.

D. Hội những người Việt Nam yêu nước tại Pháp.

Câu 83. Cơ quan ngôn luận của Hội Liên hiệp thuộc địa do Nguyễn Ái Quốc sáng lập là tờ báo

A. Nhân đạo.

B. Nhân dân.

C. Sự thật.

D. Người cùng khổ.

Câu 84. Tại Đại hội Tua của Đảng Xã hội Pháp (1920), Nguyễn Ái Quốc đã đứng về phía đa số đại biểu

A. đấu tranh bảo vệ quyền lợi các dân tộc thuộc địa.

B. tán thành gia nhập Quốc tế Cộng sản.

C. tham gia thành lập Hội Liên hiệp thuộc địa.

D. đấu tranh bảo vệ quyền lợi cho các dân tộc bị áp bức.

Câu 85. Công lao to lớn đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc đối với cách mạng Việt Nam là

A. truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào trong nước.

B. đưa cách mạng Việt Nam thành một bộ phận của cách mạng thế giới.

C. tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho nhân dân Việt Nam.

D. thành lập Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên.

Câu 86. Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1919 đến năm 1925 đã đóng góp to lớn vào việc

A. truyền bá lý luận cách mạng giải phóng dân tộc vào Việt Nam.

B. trực tiếp chuẩn bị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

C. thúc đẩy phong trào đấu tranh của công nhân phát triển mạnh từ tự phát lên tự giác.

D. chuẩn bị về tư tưởng, chính trị cho việc thành lập Đảng.

Câu 87. Nguyễn Ái Quốc trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên, gắn liền với việc Người

A. đọc bản Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề

thuộc địa của

Lê-nin (7 - 1920).

B. tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp (12 - 1920).

C. trở thành ủy viên Ban chấp hành Quốc tế Nông dân (10 - 1923).

D. tham dự Đại hội V của Quốc tế Cộng sản (1924).

Câu 88. Hoạt động nổi bật của Nguyễn Ái Quốc tại Liên Xô trong những năm 1923, 1924 là

A. sáng lập Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông.

B. dự Hội nghị Quốc tế Nông dân và Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng sản.

C. mở lớp huấn luyện, đào tạo cán bộ cách mạng.

D. truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam.

Câu 89. Sự ra đời của ba tổ chức cộng sản vào năm 1929 ở Việt Nam, chứng tỏ

A. sự hoạt động có hiệu quả của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên.

B. quá trình phát triển từ tự phát lên tự giác của phong trào công nhân đã hoàn thành.

C. điều kiện thành lập chính đảng vô sản ở Việt Nam đã chín muồi.

D. phong trào yêu nước theo xu hướng vô sản đã phát triển mạnh mẽ.

- Câu 90.** Cơ quan ngôn luận của Hội Liên hiệp thuộc địa do Nguyễn Ái Quốc thành lập ở Pari là báo
- Người cùng khổ
 - Đời sống công nhân.
 - Báo Nhân đạo.
 - Báo tuổi trẻ
- Câu 91.** Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên được thành lập trên cơ sở các tổ chức
- Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông.
 - Hội Phục Việt, Hội Hưng Nam.
 - Cộng sản đoàn.
 - Hội những người lao động trí óc Đông Dương.
- Câu 92.** Mục đích thành lập Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên là nhằm tổ chức lãnh đạo quần chúng
- đấu tranh đòi tự do, dân sinh, dân chủ.
 - thực hiện chủ trương “khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh”.
 - đấu tranh để đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và tay sai.
 - đấu tranh đòi tự do, dân chủ.
- Câu 93.** Cơ quan tuyên truyền của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên là báo
- Tuổi trẻ.
 - Thanh niên.
 - Tiền phong.
 - Tin tức.
- Câu 94.** Tư tưởng cách mạng vô sản của Nguyễn Ái Quốc được thể hiện cơ bản trong
- báo Người cùng khổ.
 - Bản án chế độ thực dân Pháp.
 - báo Thanh niên.
 - tác phẩm Đường Kách mệnh.
- Câu 95.** Đầu năm 1927, Nguyễn Ái Quốc xuất bản tác phẩm
- Bản án chế độ thực dân Pháp.
 - Con rồng tre.
 - Người cùng khổ.
 - Đường Kách mệnh.
- Câu 96.** “Báo Thanh niên” và tác phẩm “Đường Kách mệnh” có vai trò quan trọng trong việc
- tuyên truyền, giáo dục lòng yêu nước cho nhân dân.
 - thúc đẩy phong trào đấu tranh của công nhân phát triển.
 - truyền bá lý luận cách mạng vào Việt Nam.
 - trang bị lý luận cách mạng vô sản cho giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân.
- Câu 97.** Ý nào sau đây không phản ánh đúng những hoạt động của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên?
- Mở lớp huấn luyện chính trị để đào tạo cán bộ cách mạng.
 - Truyền bá tư tưởng cách mạng vô sản vào Việt Nam.
 - Thực hiện chủ trương “vô sản hóa”.
 - Tiến hành ám sát bọn Việt gian, phản động.
- Câu 98.** Tổ chức nào dưới đây được đánh giá là tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam ?
- Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên.
 - Tân Việt Cách mạng đảng.
 - Việt Nam Quốc dân đảng.
 - Việt Nam Nghĩa đoàn.
- Câu 99.** Các yếu nhân của Việt Nam Quốc dân đảng thường gặp gỡ, bàn “quốc sự” tại
- Cường học thư xã.

- B. Nam Đồng thư xã.
- C. Quan hải tùng thư.
- D. Đại học thư xã.

Câu 100. Tầng lớp nào dưới đây không phải lực lượng nòng cốt của Việt Nam Quốc dân đảng ?

- A. Thân hào, địa chủ.
- B. Binh lính người Việt trong quân đội Pháp.
- C. Tư sản.
- D. Công nhân.

Câu 101. Những người sáng lập ra tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng là

- A. Nguyễn Thái Học, Phó Đức Chính.
- B. Lê Hồng Sơn, Hồ Tùng Mậu.
- C. Trịnh Đình Cửu, Nguyễn Đức Cảnh.
- D. Châu Văn Liêm, Nguyễn Thiệu.

Câu 102. Việt Nam Quốc dân đảng là một chính đảng cách mạng theo

- A. khuynh hướng dân chủ tư sản.
- B. khuynh hướng vô sản.
- C. ý thức hệ phong kiến.
- D. tư tưởng của chủ nghĩa cải lương.

Câu 103. Cuộc khởi nghĩa Yên Bái (02 - 1930) là hoạt động nổi bật của tổ chức

- A. Hội Phục Việt.
- B. Việt Nam Quốc dân đảng.
- C. Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên.
- D. Tâm tâm xã.

Câu 104. Vai trò lịch sử của Việt Nam Quốc dân đảng đã chấm dứt, gắn với sự thất bại của

- A. khởi nghĩa Nam Kỳ.
- B. khởi nghĩa Bắc Sơn.
- C. cuộc binh biến Đô Lương.
- D. khởi nghĩa Yên Bái.

Câu 105. Để trực tiếp truyền bá tư tưởng vô sản vào giai cấp công nhân, Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên đã

- A. xuất bản tờ báo Thanh niên.
- B. xuất bản tác phẩm Đường cách mạng.
- C. thành lập nhiều cơ sở trong nước.
- D. thực hiện phong trào “vô sản hoá”.

Câu 106. Trong quá trình hoạt động, đến năm 1929, Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên đã phân hóa thành

- A. Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng.
- B. Tâm Việt cách mạng đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn.
- C. Việt Nam Quốc dân đảng, Tân Việt Cách mạng đảng.
- D. Tâm tâm xã, Cộng sản đoàn.

Câu 107. Chi bộ cộng sản đầu tiên ở Việt Nam ra đời tại

- A. Hải Phòng.
- B. Nam Định.
- C. Hà Nội.
- D. Sài Gòn.

Câu 108. Cho các sự kiện sau:

1. Đông Dương Cộng sản liên đoàn.
2. An Nam Cộng sản đảng.
3. Đông Dương Cộng sản đảng.

Hãy sắp xếp các sự kiện trên theo đúng trình tự thời gian xuất hiện 3 tổ chức cộng sản ở Việt Nam vào năm 1929.

- A. 1, 2, 3.
- B. 3, 2, 1.
- C. 1, 3, 2.
- D. 2, 3, 1.

Câu 109. Ở Việt Nam, năm 1929, cuộc vận động giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản đã dẫn đến sự thành lập của

- A. Việt Nam nghĩa đoàn.
- B. Thanh niên cao vọng đảng.
- C. Việt Nam quốc dân đảng.
- D. Đông Dương Cộng sản đảng.

Câu 110. Đông Dương Cộng sản liên đoàn được thành lập từ

- A. Việt Nam Quốc dân đảng.
- B. Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên
- C. Tân Việt Cách mạng đảng.
- D. Cộng sản đoàn.

Câu 111. Nguyễn Ái Quốc chủ động triệu tập Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản với cương vị là

- A. phái viên của Quốc tế Cộng sản.
- B. phái viên của Đảng Cộng sản Pháp.
- C. phái viên của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên.
- D. phái viên của Cộng sản đoàn.

Câu 112. Quá trình phát triển từ tự phát lên tự giác của giai cấp công nhân Việt Nam đã hoàn thành, gắn với

- A. cuộc bãi công của công nhân Bason 1925.
- B. phong trào “vô sản hoá”.
- C. sự ra đời của ba tổ chức cộng sản trong năm 1929.
- D. sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 113. Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản họp tại

- A. Thủ đô Hà Nội.
- B. Cửu Long (Hương Cảng, Trung Quốc)
- C. Quảng Châu (Trung Quốc).
- D. Mátxcova.

Câu 114. Dự Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản có đại biểu của

- A. Tâm tâm xã, Cộng sản đoàn.
- B. Tân Việt Cách mạng đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn.
- C. Đông Dương Cộng sản đảng, An nam Cộng sản đảng.
- D. Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên, Việt Nam Quốc dân đảng.

Câu 115. Người chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản là

- A. Nguyễn Đức Cảnh.
- B. Nguyễn Văn Cừ.
- C. Nguyễn Ái Quốc.
- D. Phan Đăng Lưu.

Câu 116. Văn kiện nào được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam?

- A. Luận cương chính trị (10 - 1930).
- B. Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.
- C. Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt.
- D. Luận cương tháng tư.

Câu 117. Người soạn thảo Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam là

- A. Trần Phú.
- B. Nguyễn Ái Quốc.
- C. Lê Hồng Phong.
- D. Trường Chinh.

Câu 118. Các văn kiện nào sau đây của Nguyễn Ái Quốc được coi là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam?

- A. Báo Thanh niên, tác phẩm Đường Kách mệnh.
- B. Bản án chế độ thực dân Pháp, báo Người cùng khổ.
- C. Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt.
- D. Con rồng tre, Bản yêu sách của nhân dân An Nam.

Câu 119. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng đã xác định đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam là

- A. tiến hành cách mạng vô sản và cách mạng xã hội chủ nghĩa.
- B. tiến hành “tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”.
- C. tiến hành cuộc cách mạng tư sản dân quyền, bỏ qua thời kỳ tư bản chủ nghĩa, tiến thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa.
- D. tiến hành cuộc cách mạng vô sản và cách mạng ruộng đất.

Câu 120. Tư tưởng cốt lõi trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam là

- A. tự do, bình đẳng.
- B. độc lập, tự do.
- C. tự do, dân chủ.
- D. tự do, dân quyền.

ĐÁP ÁN

1-A	2-A	3-C	4-B	5-D	6-A	7-D	8-B
9-A	10-C	11-A	12-A	13-B	14-B	15-A	16-C
17-A	18-D	19-C	20-C	21-C	22-A	23-B	24-B
25-A	26-D	27-D	28-B	29-D	30-D	31-C	32-A
33-D	34-C	35-C	36-D	37-B	38-C	39-C	40-A
41-A	42-A	43-A	44-B	45-C	46-A	47-B	48-D
49-D	50-C	51-D	52-A	53-C	54-D	55-C	56-B
57-C	58-D	59-B	60-B	61-B	62-B	63-C	64-B
65-A	66-D	67-A	68-B	69-C	70-C	71-B	72-B
73-D	74-A	75-C	76-A	77-A	78-D	79-B	80-A
81-C	82-A	83-D	84-B	85-C	86-D	87-B	88-B
89-C	90-A	91-C	92-C	93-B	94-D	95-D	96-D
97-D	98-A	99-B	100-D	101-A	102-A	103-B	104-D
105-D	106-A	107-C	108-B	109-D	110-C	111-A	112-A
113-B	114-C	115-C	116-C	117-B	118-C	119-B	120-B

TỪ BÀI 1 ĐẾN BÀI 13 –P2

Câu 1. Đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc. Nhiều vấn đề quan trọng và cấp bách đặt ra trước các cường quốc Đồng minh để giải quyết trong Hội nghị Ianta, **ngoại trừ**

- A. nhanh chóng đánh bại hoàn toàn các nước phát xít.
- B. tổ chức lại thế giới sau chiến tranh.
- C. phân chia thành quả chiến thắng giữa các nước thắng trận.
- D. thành lập Hội Quốc liên.

Câu 2. “Thống nhất mục tiêu chung là tiêu diệt chủ nghĩa phát xít... Thành lập tổ chức Liên hợp quốc. Thỏa thuận về việc đóng quân tại các nước nhằm giải giáp quân đội phát xít...” là những quyết định quan trọng của

- A. Hội nghị Ianta.
- B. Hội nghị Giơnevơ.
- C. Hội nghị Xan Phranxixcô.
- D. Hội nghị Pari.

Câu 3. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, một trật tự thế giới mới được hình thành, thường được gọi là

- A. trật tự đơn cực.
- B. trật tự Vécxai - Oasinhton.
- C. trật tự hai cực Ianta.
- D. trật tự đa cực, đa trung tâm.

Câu 4. Theo thỏa thuận của Hội nghị Pôttxđam, việc giải giáp quân Nhật ở Đông Dương được giao cho

- A. quân đội Mỹ và Hồng quân Liên Xô.
- B. quân đội Anh và quân đội Trung Hoa Dân quốc.
- C. quân đội Pháp và quân đội Mỹ.
- D. quân đội nhân dân Việt Nam và Hồng quân Liên Xô.

Câu 5. Đặc trưng lớn của trật tự hai cực Ianta là

- A. phản ánh sự đối đầu căng thẳng giữa hai siêu cường Xô - Mỹ.
- B. phản ánh sự vươn lên của các cường quốc như Mỹ, Liên minh châu Âu, Nhật Bản, Liên bang Nga, Trung Quốc.
- C. thế giới chia thành hai phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa, do hai siêu cường Mỹ và Liên Xô đứng đầu mỗi phe.
- D. sự phân chia thành quả chiến thắng giữa các nước thắng trận sau chiến tranh.

Câu 6. Từ ngày 25 - 4 đến ngày 26 - 6 - 1945, Hội nghị quốc tế tại Xan Phranxixcô đã có hoạt động quan trọng nào dưới đây?

- A. Đại biểu 50 nước thông qua bản Hiến chương và tuyên bố thành lập tổ chức Liên hợp quốc.
- B. Thỏa thuận về việc đóng quân tại các nước nhằm giải giáp quân đội phát xít.
- C. Phân chia phạm vi ảnh hưởng của các cường quốc ở châu Âu và châu Á.
- D. Tổ chức lại thế giới sau chiến tranh.

Câu 7. Cơ quan nào của Liên hợp quốc có sự tham gia đầy đủ đại diện các nước thành viên, có quyền bình đẳng về lá phiếu khi đưa ra những quyết định quan trọng của Liên hợp quốc?

- A. Ban Thư kí.
- B. Đại Hội đồng.
- C. Hội đồng Bảo an.
- D. Hội đồng quản hạt.

Câu 8. Nội dung nào dưới đây **không đúng** với vai trò của Liên hợp quốc?

- A. Diễn đàn quốc tế vừa hợp tác, vừa đấu tranh nhằm duy trì hòa bình và an ninh thế giới.
- B. Giải quyết các vụ tranh chấp và xung đột ở nhiều khu vực.
- C. Thúc đẩy quan hệ hữu nghị và hợp tác quốc tế, giúp đỡ các dân tộc về kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế,...
- D. Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị giữa tất cả các nước.

Câu 9. Tổ chức nào dưới đây được xem là tiền thân của tổ chức Liên hợp quốc?

- A. Hội Quốc liên.
- B. Quốc tế cộng sản.
- C. Khối Đồng minh chống phát xít.
- D. Đồng minh những người chính nghĩa.

Câu 10. Một trong những nguyên tắc nào dưới đây của tổ chức Liên hợp quốc được Đảng và Nhà nước ta vận dụng trong thực tế để giải quyết vấn đề Biển Đông hiện nay?

- A. Bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia và quyền tự quyết của các dân tộc.
- B. Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của tất cả các nước.
- C. Không can thiệp vào công việc nội bộ của bất kì nước nào.
- D. Giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.

Câu 11. Quyết định nào của Hội nghị Ianta (02 - 1945) đã tạo điều kiện cho thực dân Pháp trở lại xâm lược Đông Dương?

- A. Đông Nam Á vẫn thuộc phạm vi ảnh hưởng của các nước phương Tây.
- B. Việc giải giáp quân Nhật ở Đông Dương được giao cho quân đội Anh và quân đội Trung Hoa Dân quốc.
- C. Liên Xô tham chiến chống Nhật ở châu Á.
- D. Thống nhất mục tiêu chung là tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản.

Câu 12. Sự kiện Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử vào năm 1949 có ý nghĩa quan trọng trong việc góp phần

- A. phá thế độc quyền vũ khí nguyên tử của Mỹ.
- B. tạo ra sự cân bằng của trật tự hai cực Ianta.
- C. đưa Liên Xô trở thành cường quốc vũ khí hạt nhân duy nhất trên thế giới.
- D. đưa Liên Xô đi đầu trong lĩnh vực công nghệ điện hạt nhân.

Câu 13. “Quốc gia kế tục Liên Xô” được kế thừa vị trí pháp lí của Liên Xô trên trường quốc tế là

- A. Ucraina.
- B. Liên bang Nga.
- C. Bêlôrút-xia.
- D. Lít-va.

Câu 14. Đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX, Liên Xô đi đầu thế giới trong lĩnh vực

- A. công nghiệp vũ trụ.
- B. sản xuất nông nghiệp.
- C. khoa học - kĩ thuật.
- D. công nghiệp nặng.

Câu 15. Nhiệm vụ trọng tâm của nhiều kế hoạch dài hạn ở Liên Xô từ năm 1950 đến nửa đầu những năm 70 là nhằm

- A. tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất - kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội.
- B. xây dựng chủ nghĩa xã hội thành một hệ thống thế giới.
- C. tăng cường viện trợ cho các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu.
- D. đưa Liên Xô chuyển từ thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Câu 16. Nội dung nào dưới đây **không phải** là nguyên nhân chủ quan dẫn đến sự tan rã của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu?

- A. Do đường lối lãnh đạo mang tính chủ quan, duy ý chí, cùng với cơ chế tập trung quan liêu bao cấp.
- B. Sự thiếu dân chủ và công bằng xã hội làm tăng thêm sự bất mãn trong quần chúng.
- C. Tình trạng trì trệ, khủng hoảng về kinh tế và xã hội.
- D. Sự chống phá của các thế lực thù địch ở ngoài nước.

Câu 17. Đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX, Liên Xô đã trở thành

- A. siêu cường số một thế giới.
- B. cường quốc công nghiệp đứng thứ hai trên thế giới.

C. trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới.

D. một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính thế giới.

Câu 18. Năm 1948, khu vực Đông Bắc Á đã có sự biến đổi to lớn nào dưới đây?

A. Nhà nước Đại Hàn Dân quốc thành lập và Nhà nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên ra đời.

B. Nước Cộng hòa Nhân dân trung Hoa được thành lập.

C. Nước Nhật kí Hiệp ước hòa bình Xan Phranxixcô, chấm dứt chế độ chiếm đóng của Đồng minh.

D. Trung Hoa Dân quốc được thành lập.

Câu 19. Nửa sau thế kỉ XX, khu vực Đông Bắc Á đã đạt được sự tăng trưởng nhanh chóng về kinh tế.

Trong bốn “con rồng” kinh tế châu Á thì ở Đông Bắc Á có ba đó là

A. Triều Tiên, Ma Cao, Hàn Quốc.

B. Trung Quốc, Hồng Công, Đài Loan.

C. Triều Tiên, Hàn Quốc, Nhật Bản.

D. Hàn Quốc, Hồng Công, Đài Loan.

Câu 20. Cho các dữ kiện sau:

1. Công cuộc cải cách - mở cửa ở Trung Quốc được tiến hành.

2. Nước Cộng hòa Nhân dân trung Hoa thành lập.

3. Cuộc “Đại cách mạng văn hóa vô sản”.

4. Nội chiến giữa Quốc Dân đảng và Đảng Cộng sản bắt đầu diễn ra.

Hãy sắp xếp các sự kiện trên theo đúng trình tự phát triển của lịch sử Trung Quốc từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay

A. 4, 2, 3, 1.

B. 4, 3, 2, 1.

C. 1, 2, 3, 4.

D. 1, 3, 2, 4.

Câu 21. Giữa tháng 8 - 1945, nhân dân Đông Nam Á đứng lên đấu tranh, nhiều nước đã giành được độc lập khi biết tận dụng thời cơ

A. phát xít Đức đầu hàng Đồng minh.

B. phát xít Italia đầu hàng Đồng minh.

C. quân phiệt Nhật Bản đầu hàng Đồng minh.

D. thực dân Âu - Mỹ tái chiếm Đông Nam Á.

Câu 22. Nội dung nào dưới đây **không** nằm trong nguyên nhân dẫn đến sự thành lập của tổ chức ASEAN?

A. Các nước Đông Nam Á thấy cần có sự hợp tác với nhau để cùng phát triển.

B. Hạn chế ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài đối với khu vực Đông Nam Á.

C. Thành công của khối thị trường chung châu Âu cổ vũ các nước Đông Nam Á liên kết với nhau.

D. Xây dựng một trật tự thế giới nhằm tạo đối trọng với trật tự hai cực Ianta.

Câu 23. Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng điểm chung trong lịch sử đấu tranh giành độc lập của ba nước Đông Dương?

A. Đều chiến đấu chống kẻ thù chung là thực dân Pháp.

B. Cuộc đấu tranh giành độc lập dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương.

C. Pháp kí kết Hiệp định Giơnevơ, công nhận các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Đông Dương.

D. Do hoạt động ngoại giao của Quốc vương N.Xihanúc, chính phủ Pháp kí hiệp ước trao trả độc lập cho ba nước Đông Dương.

Câu 24. Trong lĩnh vực nông nghiệp, từ giữa những năm 70 của thế kỉ XX, Ấn Độ đã tự túc được lương thực nhờ tiến hành

A. cuộc “cách mạng xanh”.

B. cuộc “cách mạng trắng”.

C. cuộc “cách mạng chất xám”.

D. cuộc “cách mạng khoa học - kĩ thuật”.

Câu 25. Chính sách phân biệt chủng tộc ở Nam Phi dựa trên nền tảng của

- A. chủ nghĩa thực dân cũ.
- B. chủ nghĩa thực dân mới.
- C. chủ nghĩa Apácthai.
- D. chủ nghĩa Mác Cácti.

Câu 26. “Lục địa bùng cháy” là đánh giá của lịch sử thế giới ghi nhận về cao trào đấu tranh vũ trang bùng nổ mạnh mẽ ở

- A. châu Phi.
- B. châu Á.
- C. Mĩ Latinh.
- D. Đông Dương.

Câu 27. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, giới cầm quyền Mĩ theo đuổi mưu đồ thống trị toàn thế giới dựa vào

- A. tiềm lực kinh tế - tài chính và quân sự.
- B. chính sách đối ngoại toàn cầu của Mĩ.
- C. việc nắm độc quyền vũ khí nguyên tử.
- D. những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại.

Câu 28. Nội dung nào dưới đây **không** thuộc về nguyên nhân thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Lãnh thổ rộng lớn, tài nguyên thiên nhiên phong phú.
- B. Áp dụng những thành tựu khoa học - kĩ thuật hiện đại.
- C. Các chính sách và biện pháp điều tiết của Nhà nước Mĩ.
- D. Chi phí cho quốc phòng của Mĩ thấp, nên có điều kiện tập trung vốn đầu tư cho kinh tế.

Câu 29. Đặc điểm nào dưới đây **không** phản ánh đúng sự phát triển tình hình của kinh tế Mĩ từ năm 1945 đến năm 1973?

- A. Sản lượng công nghiệp Mĩ chiếm hơn một nửa sản lượng công nghiệp của toàn thế giới.
- B. Nền kinh tế Mĩ chiếm gần 40% tổng sản phẩm kinh tế thế giới.
- C. Mĩ trở thành trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới.
- D. Mĩ gặp thách thức to lớn trước sự vươn lên mạnh mẽ của Nhật Bản và các nước Tây Âu.

Câu 30. Trong giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1973, Mĩ đã có những hoạt động ngoại giao nào gây khó khăn trực tiếp đối với phong trào cách mạng tại Việt Nam?

- A. Thông điệp của Tổng thống Mĩ Truman đọc tại Quốc hội Mĩ.
- B. Mĩ triển khai “Kế hoạch MácSan” giúp các nước Tây Âu phục hồi nền kinh tế.
- C. Năm 1972, Tổng thống Mĩ Níchxơn thăm Trung Quốc và Liên Xô.
- D. Mĩ và 11 nước phương Tây thành lập tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO).

Câu 31. Để khống chế, chi phối các nước tư bản đồng minh phụ thuộc vào Mĩ, giới cầm quyền Mĩ đã có những hành động nào sau đây?

- A. Triển khai “Chính sách mới” của Tổng thống Mĩ Rudoven.
- B. Thực hiện “Kế hoạch MácSan”, thành lập tổ chức NATO.
- C. Bổ sung Hiến pháp theo hướng tiến bộ của Kennơđi.
- D. Hai cường quốc Xô - Mĩ tuyên bố chấm dứt chiến tranh lạnh.

Câu 32. Giai đoạn kinh tế, khoa học - kĩ thuật Mĩ chiếm ưu thế tuyệt đối so với các nước trên thế giới là

- A. từ năm 1939 đến năm 1945.
- B. từ năm 1945 đến năm 1973.
- C. từ năm 1973 đến năm 1991.
- D. từ năm 1991 đến năm 2000.

Câu 33. Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, chính sách đối ngoại nhất quán của Mĩ là

- A. chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu.
- B. Khống chế, chi phối các nước tư bản đồng minh phụ thuộc vào Mĩ.
- C. triển khai chiến lược toàn cầu, thiết lập trật tự thế giới “một cực” để Mĩ làm bá chủ thế giới.

D. sử dụng khẩu hiệu “thúc đẩy dân chủ” để can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác.

Câu 34. Trong quá trình triển khai chiến lược toàn cầu, Mỹ đã đạt được một số mục tiêu đề ra, **ngoại trừ** việc

- A. khống chế, chi phối các nước đồng minh phụ thuộc vào Mỹ.
- B. Mỹ đã khởi xướng chiến tranh lạnh.
- C. can dự một phần vào sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu.
- D. ngăn chặn, đẩy lùi và xóa bỏ hoàn toàn chủ nghĩa xã hội trên thế giới.

Câu 35. Cho các dữ liệu sau:

- 1. Mỹ triển khai chiến lược “Cam kết và mở rộng”.
- 2. Liên Xô và Mỹ tuyên bố chấm dứt chiến tranh lạnh.
- 3. Mỹ kí Hiệp định Pa ri chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.
- 4. Mỹ bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Việt Nam.

Hãy sắp xếp các sự kiện liên quan đến chính sách đối ngoại của nước Mỹ đã cho ở trên theo đúng với trình tự thời gian.

- A. 4, 1, 2, 3.
- B. 1, 2, 3, 4.
- C. 4, 3, 2, 1.
- D. 1, 3, 2, 4.

Câu 36. Trong giai đoạn 1950-1973, nhiều thuộc địa của Anh, Pháp, Hà Lan tuyên bố độc lập, đánh dấu thời kì

- A. “nhất thể hóa”.
- B. “thực dân hóa”.
- C. “phi thực dân”.
- D. “phi thực dân hóa”.

Câu 37. Ý nào sau đây **không** nằm trong những nhân tố thúc đẩy sự phát triển của kinh tế các nước Tây Âu giai đoạn 1950-1973?

- A. Áp dụng thành tựu của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại.
- B. Nhà nước có vai trò rất lớn trong việc quản lí, điều tiết, thúc đẩy nền kinh tế.
- C. Chi phí cho quốc phòng thấp, nên có điều kiện tập trung vốn đầu tư cho kinh tế.
- D. Tận dụng tốt các cơ hội bên ngoài, đặc biệt là nguồn viện trợ của Mỹ.

Câu 38. Biểu hiện nào chứng tỏ trong giai đoạn từ năm 1950 - 1973 nền kinh tế Tây Âu phát triển mạnh?

- A. Tây Âu trở thành trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới.
- B. Tây Âu vươn lên thành trung tâm tài chính số một thế giới.
- C. Tây Âu là chủ nợ lớn nhất thế giới.
- D. Tây Âu trở thành một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn.

Câu 39. Hiệp ước nào dưới đây đóng vai trò quan trọng trong việc đặt nền tảng mới cho quan hệ giữa hai nước Mỹ - Nhật sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Hiệp ước hòa bình Xan Phranxixcô.
- B. Hiệp ước an ninh Mỹ - Nhật.
- C. Hiệp ước thân thiện và hợp tác.
- D. Hiệp ước Maxtrích.

Câu 40. Ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới xuất hiện vào đầu thập niên 70 của thế kỉ XX đó là

- A. Anh, Pháp, Mỹ.
- B. Đức, Italia, Nhật.
- C. Mỹ, Liên Xô, Trung Quốc.
- D. Mỹ, Tây Âu, Nhật Bản.

Câu 41. Từ nửa sau những năm 80 của thế kỉ XX, Nhật Bản đã vươn lên thành siêu cường số một thế giới về

- A. tài chính.
- B. chính trị.
- C. quân sự.
- D. kinh tế.

Câu 42. Nhân tố chung và quan trọng nhất góp phần thúc đẩy nền kinh tế của Mỹ, Tây Âu, Nhật Bản phát triển mạnh, trở thành ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới sau chiến tranh đó là

- A. biết áp dụng thành tựu khoa học kỹ thuật hiện đại để nâng cao năng suất, chất lượng, hạ giá thành sản phẩm.
- B. biết tận dụng tốt các yếu tố bên ngoài để phát triển.
- C. do các công ty, tập đoàn tư bản năng động, có tầm nhìn xa và sức cạnh tranh cao.
- D. do vai trò lãnh đạo, quản lý có hiệu quả của nhà nước.

Câu 43. Nhân tố chủ yếu chi phối các quan hệ quốc tế trong hơn bốn thập kỉ nửa sau thế kỉ XX là

- A. cục diện chiến tranh lạnh.
- B. xu thế toàn cầu hóa.
- C. sự hình thành xu hướng “đa cực”, nhiều trung tâm.
- D. sự ra đời của các tổ chức liên kết khu vực.

Câu 44. Cho các sự kiện sau:

1. Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) thành lập.
2. Mỹ thực hiện “Kế hoạch MácSan”.
3. Thông điệp của Tổng thống Truman tại Quốc hội Mỹ.

Hãy sắp xếp các sự kiện trên theo đúng trình tự thời gian

- A. 1, 2, 3.
- B. 2, 1, 3.
- C. 3, 2, 1.
- D. 3, 1, 2.

Câu 45. Điểm khác biệt giữa cách mạng khoa học kỹ thuật hiện đại nửa sau thế kỉ XX với cách mạng công nghiệp thế kỉ XVIII là gì?

- A. Khoa học gắn liền với kỹ thuật.
- B. Có nhiều phát minh lớn cho nhân loại.
- C. Kỹ thuật đi trước mở đường cho sản xuất.
- D. Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

ĐÁP ÁN

1-D	2-A	3-C	4-B	5-C	6-A	7-B	8-D
9-A	10-D	11-A	12-A	13-B	14-A	15-A	16-D
17-B	18-A	19-D	20-A	21-C	22-D	23-D	24-A
25-D	26-C	27-A	28-D	29-D	30-C	31-B	32-B
33-C	34-D	35-A	36-D	37-C	38-D	39-B	40-D
41-A	42-A	43-A	44-A	45-D	46-D	47-D	48-A
49-D	50-A	-	-	-	-	-	-

TỪ BÀI 20 ĐẾN BÀI 26

Câu 1. Kế hoạch Nava ra đời trong hoàn cảnh

- A. thực dân Pháp thiệt hại ngày càng nặng nề và sa lầy trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.
- B. thực dân Pháp đang chiếm ưu thế trên chiến trường và mong muốn kết thúc chiến tranh trong danh dự.
- C. thực dân Pháp đã giành lại thế chủ động trên chiến trường Bắc Bộ.
- D. cuộc chiến tranh đang ở thế giằng co, bất phân thắng bại.

Câu 2. Trước tình thế bị sa lầy và thất bại của Pháp, Mỹ can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh Đông Dương nhằm mục đích

- A. giúp đỡ Pháp.
- B. giúp đỡ Việt Nam.
- C. thay thế Pháp.
- D. kéo dài chiến tranh.

Câu 3. Tháng 5 - 1953, được sự thỏa thuận của Mỹ, Chính phủ Pháp cử tướng Nava làm

- A. Cao ủy Pháp ở Đông Dương.
- B. Toàn quyền Pháp ở Đông Dương.
- C. Đại sứ Pháp ở Đông Dương.
- D. Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương.

Câu 4. Chuyển lực lượng cơ động mạnh ra chiến trường Bắc Bộ, thực hiện tiến công chiến lược, cố giành thắng lợi quyết định, buộc ta phải đàm phán với những điều kiện có lợi cho chúng nhằm kết thúc chiến tranh là âm mưu của Pháp trong kế hoạch nào?

- A. Kế hoạch tấn công lên Việt Bắc.
- B. Kế hoạch Rơ ve.
- C. Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi.
- D. Kế hoạch Nava.

Câu 5. Hi vọng trong vòng 18 tháng sẽ giành lấy một thắng lợi quyết định để “kết thúc chiến tranh trong danh dự”, đó là kế hoạch quân sự nào của Pháp trong chiến tranh xâm lược Việt Nam?

- A. Kế hoạch tấn công lên Việt Bắc.
- B. Kế hoạch Rơ ve.
- C. Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi.
- D. Kế hoạch Nava.

Câu 6. Điểm then chốt của kế hoạch Nava trong thu - đông 1954 là

- A. tiến công chiến lược ở Trung bộ và Nam Đông Dương.
- B. tập trung binh lực, xây dựng đội quân cơ động chiến lược mạnh.
- C. chuyển lực lượng ra chiến trường Bắc Bộ, giành thắng lợi quân sự quyết định tại đây.
- D. điều quân viễn chinh từ Bắc Phi sang, xin Mỹ tăng thêm viện trợ quân sự.

Câu 7. Tập trung ở đồng bằng Bắc Bộ 44 tiểu đoàn cơ động là biện pháp được thực dân Pháp tiến hành trong kế hoạch nào trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam?

- A. Kế hoạch tấn công lên Việt Bắc.
- B. Kế hoạch Rơ ve.
- C. Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi.
- D. Kế hoạch Nava.

Câu 8. Kế hoạch này chẳng những được Chính phủ Pháp mà cả những người bạn Mỹ cùng tán thành. Nó cho phép hi vọng mọi điều. Đó là hi vọng của Pháp về kế hoạch nào?

- A. Kế hoạch tấn công lên Việt Bắc.
- B. Kế hoạch Rơ ve.
- C. Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi.
- D. Kế hoạch Nava.

Câu 9. Trước âm mưu mới của Pháp – Mĩ ở Đông Dương, chủ trương chiến lược của ta trong đông – xuân 1953 – 1954 là

- A. tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu.
- B. tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch có lực lượng đông, mạnh.
- C. sẵn sàng giao chiến quyết định với Pháp ở đồng bằng Bắc Bộ.
- D. phân tán lực lượng tiến hành chiến tranh du kích nhằm tiêu diệt sinh lực địch.

Câu 10. Thực hiện quyết định của Bộ Chính trị, trong đông – xuân 1953- 1954, quân ta mở một loạt chiến dịch tiến công địch ở

- A. Tây Nguyên và Nam Trung bộ.
- B. Tây Nguyên và Đông Nam bộ.
- C. hầu khắp các chiến trường Đông Dương.
- D. đồng bằng Bắc Bộ và Thượng Lào.

Câu 11. Tháng 2/1954, quân ta tiến công Bắc Tây Nguyên, bao vây uy hiếp Plâyku nhằm mục đích

- A. tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng Tây Nguyên.
- B. phân tán sinh lực địch đồng thời tiêu diệt thêm bộ phận sinh lực địch.
- C. phát huy thế chủ động trên chiến trường.
- D. thu hút sinh lực địch tập trung về Tây Nguyên để tiêu diệt.

Câu 12. Cuộc tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954 của quân ta đã làm cho

- A. Pháp bị đẩy sâu vào tình thế bị động.
- B. bộ đội chủ lực ta ngày càng trưởng thành.
- C. kế hoạch Nava phá sản hoàn toàn.
- D. kế hoạch Nava bước đầu bị phá sản.

Câu 13. Kế hoạch Nava của thực dân Pháp bước đầu bị phá sản thể hiện ở chỗ

- A. lực lượng của chúng bị phân tán thành 5 nơi.
- B. lực lượng của chúng bị tổn thất lớn lao.
- C. thất bại nặng nề ở Điện Biên Phủ.
- D. ngày càng sa lầy trong cuộc chiến tranh Đông Dương.

Câu 14. Kế hoạch quân sự Nava do Pháp - Mĩ vạch ra nhằm

- A. thực hiện kế hoạch đánh lâu dài.
- B. thực hiện kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh.
- C. chiếm lấy vị trí chiến lược ở Điện Biên Phủ.
- D. giành thắng lợi quyết định để kết thúc chiến tranh trong danh dự.

Câu 15. Sau 1950, Mĩ tiếp tục can thiệp vào cuộc chiến Đông Dương vì

- A. Đông Dương là bộ phận quan trọng của chiến lược toàn cầu của Mĩ.
- B. để từng bước xâm lược Đông Dương.
- C. Pháp là đồng minh của Mĩ.
- D. Pháp bị sa lầy trong cuộc chiến Đông Dương.

Câu 16. Chủ trương lớn của ta trong 1953 - 1954 là

- A. phải thắng Pháp ở Điện Biên Phủ.
- B. tiêu diệt nhiều sinh lực địch.
- C. phân tán lực lượng cơ động địch.
- D. vừa đánh vừa xây dựng lực lượng.

Câu 17. Chiến dịch nào đã đập tan hoàn toàn kế hoạch Nava?

- A. Chiến dịch Việt Bắc thu đông 1947.
- B. Chiến dịch biên giới thu đông 1950.
- C. Chiến dịch Thượng Lào tháng 1/1954.
- D. Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.

Câu 18. Ngày 21/7/1954 được biết đến là dấu mốc

- A. kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp.
 B. kết thúc cuộc chiến đấu ở các đô thị.
 C. kết thúc chiến dịch Việt Bắc thu – đông.
 D. kết thúc chiến dịch Biên giới thu – đông.
- Câu 19.** Hội nghị Giơnevơ bắt đầu bàn về vấn đề Đông Dương diễn ra
 A. khi thực dân Pháp sa lầy trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.
 B. khi quân ta sắp sửa mở chiến dịch Điện Biên Phủ.
 C. khi Mỹ can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh Đông Dương.
 D. khi thực dân Pháp thất bại hoàn toàn ở Điện Biên Phủ.
- Câu 20.** Sự kiện đánh dấu kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Pháp là
 A. chiến thắng Điện Biên Phủ.
 B. Hiệp định Giơnevơ được ký kết.
 C. chiến thắng Điện Biên Phủ và Hiệp định Giơ-ne-vơ.
 D. bắt sống toàn bộ bộ chỉ huy của Pháp ở Điện Biên Phủ.
- Câu 21.** 56 ngày đêm khoét núi, ngủ hầm, mưa dầm, cơm vắt, máu trộn bùn non, gan không núng, chí không mòn... là nói về chiến dịch nào?
 A. Chiến dịch biên giới thu – đông 1950.
 B. Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.
 C. Chiến dịch Tây Nguyên.
 D. Chiến dịch Hồ Chí Minh.
- Câu 22.** Ngày 17/01/1960 đánh dấu
 A. mở đầu phong trào Đồng Khởi.
 B. sự phát triển mạnh mẽ của phong trào Đồng Khởi.
 C. thắng lợi của phong trào Đồng Khởi.
 D. kết thúc phong trào Đồng Khởi.
- Câu 23.** Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời là kết quả của
 A. Nghị quyết Ban chấp hành Trung ương lần thứ 15.
 B. chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954.
 C. phong trào Đồng Khởi ở miền Nam.
 D. chiến thắng Ấp Bắc năm 1963.
- Câu 24.** Đánh bại cuộc hành quân càn quét của hơn 2000 binh lính quân đội Sài Gòn có cố vấn Mỹ chỉ huy, được pháo binh, máy bay, xe tăng, xe bọc thép yểm trợ là kết quả của
 A. phong trào Đồng Khởi.
 B. chiến thắng Ấp Bắc.
 C. chiến thắng Núi Thành.
 D. chiến thắng Vạn Tường.
- Câu 25.** Ý nào sau đây không phải ý nghĩa của Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968?
 A. Làm lung lay ý chí xâm lược của quân Mỹ.
 B. Buộc Mỹ chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc.
 C. Buộc Mỹ phải tuyên bố “phi Mỹ hóa” chiến tranh.
 D. Buộc Mỹ phải ký hiệp định Pari.
- Câu 26.** Mỹ gây chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất là nhằm mục đích gì?
 A. Trả đũa quân Giải phóng miền Nam Việt Nam.
 B. Phá tiềm lực kinh tế quốc phòng của miền Bắc.
 C. Làm lung lay ý chí chiến đấu của nhân dân 2 miền nước ta.
 D. Hỗ trợ cho chiến lược chiến tranh cục bộ.
- Câu 27.** Chính phủ hợp pháp của nhân dân miền Nam ra đời ngày 6/6/1969 là
 A. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.
 B. Trung ương Cục miền Nam.
 C. Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

D. Chính phủ lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

Câu 28. Giai đoạn nào của cuộc kháng chiến chống Mỹ ta vừa chiến đấu chống địch trên chiến trường vừa đấu tranh với địch trên bàn đàm phán?

- A. 1961 – 1965.
- B. 1965 – 1968.
- C. 1969 – 1973.
- D. 1973 – 1975.

Câu 29. Với Hiệp định Pari được ký kết đã

- A. mở bước ngoặt mới của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.
- B. kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân ta.
- C. làm thất bại âm mưu kéo dài và mở rộng chiến tranh của Mỹ.
- D. làm thất bại chiến lược toàn cầu của Mỹ.

Câu 30. Điều khoản trong Hiệp định nào quy định “Các bên thừa nhận ở miền Nam Việt Nam có 2 chính quyền, 2 quân đội, hai vùng kiểm soát và ba lực lượng chính chính trị”?

- A. Hiệp định Sơ bộ 6/3/1946.
- B. Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954.
- C. Hiệp định Viêng-chăn 1973.
- D. Hiệp định Pari năm 1973.

Câu 31. Hiệp định Pari về Việt Nam chính thức có hiệu lực

- A. kể từ ngày các bên tham dự ký kết hiệp định.
- B. kể từ khi Mỹ rút hết quân khỏi miền Nam Việt Nam.
- C. kể từ khi miền Nam hoàn toàn giải phóng.
- D. kể từ khi đất nước thống nhất về mặt nhà nước.

Câu 32. Mỹ phản ứng như thế nào sau chiến thắng Phước Long (từ 12/12/1974 – 6/1/1975)?

- A. Phản ứng mạnh mẽ.
- B. Phản ứng yếu ớt, chủ yếu dùng áp lực đe dọa từ xa.
- C. Đưa quân viễn chinh trở lại miền Nam Việt Nam.
- D. Mỹ thừa nhận thất bại trong chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Câu 33. Trong chiến dịch Tây Nguyên, ngày 4/3 quân ta tiến công địch ở Plâyku và Kon tum

- A. nhằm thu hút quân địch vào hướng đó, khiến bố phòng ở Buôn Ma Thuật sơ hở.
- B. nhằm thu hút quân địch vào hướng đó để tiêu diệt.
- C. vì có vị trí chiến lược quan trọng nhất Tây Nguyên.
- D. vì địch tập trung ở đây lực lượng mạnh cần tiêu diệt.

Câu 34. Đâu không phải là yếu tố thuận lợi cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam?

- A. Phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới phát triển mạnh mẽ.
- B. Mỹ hòa hoãn với Liên Xô, bắt tay với Trung Quốc.
- C. Mỹ rút quân về nước theo Hiệp định Pari.
- D. Sự ủng hộ của các lực lượng dân chủ tiến bộ trên thế giới.

Câu 35. Trọng tâm cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 là

- A. Sài Gòn và Đông Nam Bộ.
- B. Đông Nam Bộ.
- C. các đô thị lớn ở miền Nam.
- D. Đông Nam Bộ và đồng bằng khu V.

Câu 36. Diễn ra đồng loạt ở miền Nam với trọng tâm ở các đô thị là

- A. cuộc phản công chiến lược trong mùa khô 1967 – 1968.
- B. cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.
- C. cuộc Tiến công chiến lược năm 1972.
- D. phong trào phá ấp chiến lược.

- Câu 37.** Ba phòng tuyến mạnh nhất của địch là Quảng Trị, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ bị chọc thủng trong
- A. cuộc phản công chiến lược trong mùa khô 1967 – 1968.
 - B. cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.
 - C. cuộc Tiến công chiến lược năm 1972.
 - D. Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.
- Câu 38.** Đây là điểm khác nhau giữa Hiệp định Pari 1973 và Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954?
- A. Được ký kết sau thắng lợi quyết định trên chiến trường.
 - B. Đưa đến việc kết thúc chiến tranh, lập lại hòa bình.
 - C. Phản ánh đúng thắng lợi của ta trên chiến trường.
 - D. Đưa đến việc thực dân đế quốc phải rút hết quân đội về nước.
- Câu 39.** Tháng 12/1986 là dấu mốc với lịch sử Việt Nam gắn với sự kiện
- A. hoàn thành công cuộc giải phóng miền Nam.
 - B. hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.
 - C. đề ra đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
 - D. thông qua và thực hiện đường lối đổi mới.
- Câu 40.** Đưa đến việc rút hết quân đội về nước, lập lại hòa bình ở Việt Nam là nội dung nằm trong hiệp định nào?
- A. Hiệp định Sơ bộ 6/3/1946.
 - B. Hiệp định Giơ-ne-vơ 7/1954.
 - C. Hiệp định Pari năm 1/1973.
 - D. Hiệp định Viên-chăn 2/1973.

ĐÁP ÁN

1-A	2-C	3-D	4-D	5-D	6-C	7-D	8-D
9-A	10-C	11-B	12-D	13-A	14-D	15-A	16-C
17-D	18-A	19-D	20-B	21-B	22-B	23-C	24-B
25-D	26-D	27-D	28-C	29-A	30-D	31-A	32-B
33-A	34-B	35-C	36-B	37-C	38-C	39-D	40-C

GIAI ĐOẠN LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ 1930-1954

- Câu 1: Vì sao cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933 ở các nước tư bản nhưng lại ảnh hưởng nặng nề đến nước ta ?
- Vì kinh tế Việt Nam có quan hệ với kinh tế Pháp.
 - Vì nước ta là thị trường của Pháp.
 - Vì Việt Nam ảnh hưởng của nền kinh tế pháp.
 - Vì Việt Nam là thuộc địa của Pháp, nền kinh tế Việt Nam hoàn toàn phụ thuộc vào Pháp.
- Câu 2: Tại sao trong phong trào 1936-1939, Đảng ta đưa một số cán bộ đảng viên của Đảng ra hoạt động công khai ?
- Chính phủ Pháp thi hành một số chính sách tiến bộ cho thuộc địa.
 - Tình hình thế giới có sự thay đổi.
 - Tình hình trong nước thay đổi.
 - Thực hiện nghị quyết của Quốc tế Cộng sản.
- Câu 3: Nội dung nào sau đây phản ánh đầy đủ những khó khăn cơ bản của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa sau cách mạng tháng Tám năm 1945 ?
- Nạn đói, nạn dốt, hạn hán, lũ lụt.
 - Sự chống phá của bọn phản động trong nước Việt Quốc, Việt Cách.
 - Quân Pháp tấn công ở Nam Bộ.
 - Nạn đói, nạn dốt, khó khăn về tài chính, thù trong giặc ngoài.
- Câu 4: Thuận lợi cơ bản của nước ta sau cách mạng tháng Tám năm 1945 là gì ?
- Dân ta có truyền thống yêu nước, đoàn kết, Đảng ta được tôi luyện và có lãnh đạo thiên tài.
 - Chủ nghĩa xã hội trở thành hệ thống trên thế giới.
 - Phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc lên cao.
 - Phong trào đòi dân chủ ở các nước tư bản phát triển.
- Câu 5: Nhiệm vụ quan trọng nhất được xác định ở hội nghị ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Đông Dương tháng 11/1939 là
- tạm gác khẩu hiệu “cách mạng ruộng đất”.
 - đánh đổ đế quốc và tay sai, giải phóng các dân tộc Đông Dương, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập.
 - thành lập mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương.
 - chuyển từ hoạt động hợp pháp, nửa hợp pháp sang hoạt động bí mật.
- Câu 6: Điểm mới của hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Đông Dương tháng 5/1941 với tháng 11/1939 là
- thành lập mặt trận Thống nhất dân tộc rộng rãi chống đế quốc.
 - đề cao nhiệm vụ giải phóng dân tộc.
 - tạm gác khẩu hiệu “cách mạng ruộng đất”, thực hiện khẩu hiệu giảm tô, giảm thuế.
 - giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước Đông Dương.
- Câu 7: Nội dung nào sau đây không đúng về đánh giá vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với thắng lợi của cách mạng tháng Tám 1945 ?
- Người cùng Trung ương Đảng vạch ra đường lối kháng chiến đúng đắn, sáng tạo.
 - Người tổ chức và chủ trì hội nghị lần 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng, mở ra thời kì trực tiếp cho cuộc khởi nghĩa giành chính quyền.
 - Cùng với Trung ương Đảng, Người đã dự đoán chính xác thời cơ và kịp thời phát động tổng khởi nghĩa.
 - Người tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn, xây dựng lí luận, chuẩn bị tư tưởng và tổ chức dẫn đến sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam.
- Câu 8: Khoảng thời gian nào được Đảng ta xác định là “thời cơ ngàn năm có một” để thực hiện tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945 ?
- Kéo dài vô thời hạn.
 - Ngay khi phát xít đầu hàng đồng minh

C. Ngay khi đồng minh đánh bại chủ nghĩa phát xít.

D. Từ khi phát xít Nhật đầu hàng đồng minh đến trước khi các nước Đồng minh kéo vào nước ta.

Câu 9: Hội nghị nào đánh dấu sự chuyển hướng quan trọng của Đảng đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.

A. Hội nghị Ban Chấp hành Đảng Cộng sản Đông Dương (7/1937).

B. Hội nghị Ban Chấp hành Đảng Cộng sản Đông Dương (11/1939).

C. Hội nghị Ban Chấp hành Đảng Cộng sản Đông Dương (1940).

D. Hội nghị Ban Chấp hành Đảng Cộng sản Đông Dương (5/1941).

Câu 10: Nội dung nào sau đây được xác định là nhiệm vụ quan trọng nhất của cách mạng Việt Nam được đề ra trong hội nghị lần 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (5/1941).

A. Giải phóng dân tộc.

B. Cách mạng ruộng đất.

C. Khởi nghĩa giành chính quyền.

D. Chuẩn bị khởi nghĩa.

Câu 11: Ý nghĩa quan trọng nhất của cách mạng tháng Tám 1945 là

A. mở ra kỉ nguyên mới-kỉ nguyên độc lập, tự do, nhân dân lao động nắm quyền làm chủ vận mệnh dân tộc.

B. góp phần làm suy yếu chủ nghĩa đế quốc.

C. đưa Đảng Cộng sản Đông Dương trở thành chính Đảng cầm quyền.

D. có ảnh hưởng trực tiếp đến cách mạng Lào và Campuchia.

Câu 12: Nội dung nào sau đây không phải là nội dung của Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 11/1939 ?

A. Đặt vấn đề giải phóng dân tộc lên hàng đầu.

B. Tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất.

C. Không dùng bạo lực cách mạng để giành chính quyền.

D. Thành lập mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương.

Câu 13: Nội dung nào sau đây không phải là nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ?

A. Có Đảng lãnh đạo với đường lối đúng đắn sáng tạo, do chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu.

B. Nhờ sự giúp đỡ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

C. Dân tộc Việt Nam có truyền thống yêu nước đấu tranh chống giặc.

D. Đảng ta có quá trình chuẩn bị suốt 15 năm, đúc rút được những bài học kinh nghiệm quý báu.

Câu 14: Bài học kinh nghiệm trong chỉ đạo Tổng khởi nghĩa giành chính quyền năm 1945 của Đảng ta là

A. xây dựng khối liên minh công nông.

B. tổ chức quần chúng đấu tranh công khai, hợp pháp, nửa hợp pháp.

C. phải có chủ trương phù hợp với thực tiễn cách mạng trong cả nước.

D. kết hợp đấu tranh chính trị với vũ trang, khởi nghĩa từng phần giành chính quyền từng bộ phận, kịp thời chớp thời cơ tổng khởi nghĩa.

Câu 15: Khi phát xít Nhật xâm lược Đông Dương (1940), thực dân Pháp đã hành động ra sao ?

A. Phát lệnh tổng động viên chống phát xít Nhật.

B. Bắt tay cầu kết với Nhật để cùng thống trị nhân dân ta.

C. Phối hợp với đồng minh chiến đấu chống Nhật.

D. Nhằm giúp đỡ chính quyền tay sai ở Đông Dương.

Câu 16: Theo chỉ thị của Hồ Chí Minh, ngày 22/12/1944 lực lượng vũ trang thành lập có tên gọi là

A. Trung đội cứu quốc quân I.

B. Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân.

C. Đội Việt Nam giải phóng quân.

D. Đội du kích Bắc Sơn-Võ Nhai.

Câu 17: Sự kiện nào sau đây chứng tỏ chế độ phong kiến Việt Nam sụp đổ ?

- A. Vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị (30/8/1945).
- B. Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (2/9/1945).
- C. Việt Nam giành chính quyền ở Hà Nội.
- D. Các địa phương giành thắng lợi cuối cùng ở Nam Kỳ (Đồng Nai Thượng và Hà Tiên) giành thắng lợi (28/8/1945).

Câu 18: Hãy sắp xếp các sự kiện sau đây theo trình tự thời gian:

1. Nhật đầu hàng đồng minh vô điều kiện.
2. Quân Nhật vượt qua biên giới Việt Trung tiến vào nước ta.
3. Nhật đảo chính Pháp độc chiếm Đông Dương.

- A. 123
- B. 321
- C. 231
- D. 213

Câu 19: Cách mạng tháng Tám 1945 đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu, ngoại trừ

- A. Bài học vận dụng sự sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, nắm vững tình hình thế giới-trong nước để đề ra chủ trương phù hợp.
- B. Bài học về đoàn kết lực lượng cách mạng trong mặt trận thống nhất rộng rãi.
- C. Bài học chỉ đạo khởi nghĩa linh hoạt kết hợp nhiều hình thức đấu tranh: chính trị với vũ trang, khởi nghĩa từng phần tiến tới tổng khởi nghĩa.
- D. Bài học kết hợp kháng chiến-kiến quốc, làm cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Câu 20: Trong chiến tranh thế giới thứ hai, phát xít Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng minh không điều kiện vào thời điểm nào ?

- A. Sau khi phát xít Đức đầu hàng Đồng minh.
- B. Trước khi phát xít Ý đầu hàng Đồng minh.
- C. Khi nhân dân ta nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền.
- D. Mỹ ném hai quả bom nguyên tử và quân đội Liên Xô đánh bại đạo quân Quan Đông.

Câu 21: Phát xít Nhật đầu hàng thì quân Nhật ở Đông Dương cũng tề liệt, chính phủ tay sai thân Nhật Trần Trọng Kim hoang mang cực độ. Đây là thời cơ ngàn năm có một cho nhân dân ta giành độc lập. Đó là hoàn cảnh vô cùng thuận lợi cho:

- A. Cao trào kháng Nhật cứu nước.
- B. Phá kho thóc giải quyết nạn đói.
- C. Hưởng ứng chỉ thị “Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”
- D. Đảng ta đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh kịp thời phát động lệnh tổng khởi nghĩa trong toàn quốc.

Câu 22: “Pháp chạy Nhật đầu hàng, vua Bảo Đại thoái vị, nhân dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ dân chủ cộng hòa”. Nội dung đó được trích trong

- A. Tuyên ngôn độc lập.
- B. Bản quân lệnh số 1.
- C. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.
- D. Chỉ thị “Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”

Câu 23: Sau cách mạng tháng Tám 1945 nước ta phải đối phó với nhiều kẻ thù, trong đó kẻ thù nguy hiểm nhất là

- A. quân Trung Hoa Dân quốc.
- B. thực dân Pháp.
- C. phát xít Nhật.
- D. thực dân Anh.

- Câu 24: Những biện pháp đấu tranh với Trung Hoa Dân quốc và tay sai có tác dụng như thế nào?
- Chính quyền cách mạng vẫn được giữ vững và được nhân dân tin tưởng và ủng hộ.
 - Làm thất bại âm mưu cầu kết với thực dân Anh ở miền Nam hòng bóp chết chính quyền cách mạng còn non trẻ.
 - Nhằm hạn chế mức thấp nhất các hoạt động chống phá của Trung Hoa Dân quốc và tay sai, làm thất bại âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng.
 - Kéo dài thời gian hòa hoãn để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài.
- Câu 25: Vì sao Đảng và chính phủ ta phải hòa hoãn với quân Trung Hoa Dân quốc ở miền Bắc ?
- Tránh cùng một lúc đối phó với nhiều kẻ thù, tập trung lực lượng đánh Pháp ở miền Nam.
 - Tránh cùng một lúc đối phó với nhiều kẻ thù, tập trung lực lượng đánh thực dân Anh ở phía Nam.
 - Lực lượng của ta còn yếu nên phải cần có thời gian để củng cố.
 - Kéo dài thời gian chuẩn bị cho cuộc kháng chiến mà ta không tránh khỏi.
- Câu 26: Việc kí hiệp định sơ bộ (6/3/1946) đã có tác dụng gì đối với nước ta?
- Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã trở thành quốc gia tự do.
 - Miền Bắc hoàn toàn giải phóng.
 - Tránh cùng một lúc đối phó với nhiều kẻ thù.
 - Mượn quân Trung Hoa Dân quốc đuổi Pháp ra khỏi nước ta.
- Câu 27: Trong nội dung hiệp định sơ bộ ngày 6/3/1946 chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là
- một quốc gia độc lập.
 - một quốc gia tự trị.
 - một quốc gia tự do.
 - một quốc gia độc lập, tự do.
- Câu 28: Để xây dựng và củng cố chính quyền, ngay sau cách mạng tháng Tám thành công, Đảng và chính phủ ta đã triển khai nhiều vấn đề quan trọng, ngoại trừ
- Đẩy mạnh hoạt động hợp tác với Liên Xô và Trung Quốc.
 - Thành lập quân đội quốc gia Việt Nam.
 - Soạn thảo hiến pháp mới.
 - Tổng tuyển cử bầu cử quốc hội, thành lập chính phủ chính thức.
- Câu 29: Ngày 18/12/1946 thực dân Pháp gửi tối hậu thư cho chính phủ ta nhằm mục đích gì ?
- Yêu cầu chính phủ ta hòa hoãn, nhân nhượng với Pháp.
 - Yêu cầu chính phủ ta hòa hoãn với Trung Hoa Dân quốc.
 - Yêu cầu chính phủ ta đồng ý cho 15.000 quân Pháp ra miền Bắc.
 - Đòi ta giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu, để chúng giữ gìn trật tự ở Hà Nội.
- Câu 30: Tại sao ta chuyển từ sách lược đánh Pháp (từ 22/9/1945 đến trước 6/3/1946) sang sách lược hòa hoãn nhân nhượng với Pháp (từ 6/3/1946 đến 19/12/1946) ?
- Vì Pháp được Anh hậu thuẫn.
 - Vì ta tránh tình trạng đối phó cùng một lúc với nhiều kẻ thù.
 - Vì Pháp và Trung Hoa Dân quốc bắt tay cầu kết với nhau chống lại ta.
 - Vì Pháp được bọn phản động tay sai giúp đỡ.
- Câu 31: Thắng lợi lớn nhất của ta trong chiến dịch Biên giới thu-đông năm 1950 là gì ?
- Buộc Pháp phải chuyển sang đánh lâu dài với ta.
 - Pháp thất bại trong kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh.
 - Ta giành thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ.
 - Làm cho Pháp mất đi sự ủng hộ của đế quốc Mỹ.
- Câu 32: Mục đích sâu xa của Mỹ khi can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh Đông Dương trong những năm 1950-1954 là
- nhằm rang buộc chính phủ bảo đại.
 - nhằm từng bước thay chân Pháp ở Đông Dương.

C. nhằm giúp đỡ Pháp trong cuộc chiến tranh Đông Dương.

D. nhằm giúp đỡ chính quyền tay sai của Mĩ ở Đông Dương.

Câu 33: Chiến dịch tiến công lớn đầu tiên của quân ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) là chiến dịch nào ?

A. Biên giới thu-đông 1950.

B. Việt Bắc thu-đông 1947.

C. Điện Biên Phủ 1954.

D. Đông-Xuân 1953-1954.

Câu 34: Đoạn trích “Bất kì đàn ông, đàn bà, bất kì người già, người trẻ, không phân chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc” thể hiện nội dung nào của đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng ta ?

A. Toàn diện kháng chiến

B. Toàn dân kháng chiến.

C. Trường kì kháng chiến.

D. Tự lực cánh sinh.

Câu 35: Khó khăn mới đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân ta cuối năm 1949 đầu năm 1950 là gì ?

A. Cuộc kháng chiến của nhân dân ta tiến hành trong hoàn cảnh tự lực cánh sinh.

B. Mĩ can thiệp sâu và dính líu trực tiếp vào cuộc chiến tranh Đông Dương.

C. Pháp đẩy mạnh xây dựng quân đội tay sai và thành lập chính quyền bù nhìn.

D. Tương quan lực lượng giữa ta và địch chênh lệch theo chiều hướng có lợi cho Pháp, bất lợi cho ta.

Câu 36: Câu văn thể hiện thiện chí của ta đối với thực dân Pháp trong “lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” là gì ?

A. Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng.

B. Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta kí hiệp định sơ bộ.

C. Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta kí tạm ước.

D. Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải kháng chiến.

Câu 37: Chiến thắng nào trong chiến dịch Biên giới thu-đông năm 1950 làm cho cứ điểm Thất Khê bị uy hiếp và Cao Bằng bị cô lập ?

A. Đồng Đăng.

B. Na Sầm.

C. Đông Khê.

D. Đình Lập.

Câu 38: Đại hội lần II (2 - 1951) của Đảng Cộng sản Đông Dương có ý nghĩa lịch sử như thế nào?

A. Nêu cao vai trò lãnh đạo của Đảng và giai cấp công nhân.

B. Tăng cường lòng tin của nhân dân đối với Đảng.

C. Làm cho nhân dân thế giới hiểu về nhân dân Việt Nam.

D. Đánh dấu bước phát triển mới trong quá trình trưởng thành và lãnh đạo cách mạng nước ta là “Đại hội kháng chiến thắng lợi”.

Câu 39: Quyết định quan trọng đối với ba nước Đông Dương tại Đại hội đại biểu lần II của Đảng Cộng sản Đông Dương (2/1951) ?

A. Cả ba nước cần tranh thủ sự giúp đỡ ở bên ngoài.

B. Tăng cường hơn nữa tính đoàn kết của ba nước Đông Dương.

C. Thành lập mỗi nước Đông Dương một Đảng Mác-Lênin riêng.

D. Chuẩn bị kế hoạch quân sự phối hợp giữa quân đội ba nước Đông Dương.

Câu 40: Trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954), tổ chức nào góp phần tăng cường khối đại đoàn kết của ba nước Đông Dương trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung ?

A. Mặt trận dân chủ Đông Dương.

B. Mặt trận thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương.

- C. Hội phản đế đồng minh Đông Dương.
D. Liên minh chiến đấu Việt-Miên-Lào.

ĐÁP ÁN

1-D	2-A	3-D	4-A	5-B	6-D	7-A	8-D
9-B	10-A	11-A	12-C	13-B	14-D	15-B	16-B
17-A	18-C	19-D	20-D	21-D	22-A	23-B	24-C
25-A	26-C	27-C	28-A	29-D	30-C	31-C	32-B
33-A	34-B	35-B	36-A	37-C	38-D	39-C	40-D

ĐÀ NẴNG